

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng năm 2015 (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3858/2001/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-BKH ngày 27 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định đào tạo liên thông trình độ đại học, cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-KTKH ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng về việc ban hành “Thực hiện đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ biên bản họp ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp về việc đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp cao đẳng năm 2015 hệ chính quy,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. a) Công nhận tốt nghiệp đợt 2 năm 2015 cho sinh viên cao đẳng hệ chính quy dài hạn:

- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2009:	01 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	01 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2010:	01 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	01 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2011:	24 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	07 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	04 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	10 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	03 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2012:	611 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	117 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	329 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	51 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	99 sinh viên
+ Ngành Hệ thống thông tin quản lý:	15 sinh viên

b) Công nhận tốt nghiệp năm 2015 cho sinh viên cao đẳng hệ chính quy liên thông:

- Khóa vào trường năm 2012:	01 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	01 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2013:	55 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	08 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	46 sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường các Khoa, Phòng liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG


NGƯT.TS Lê Quang Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số: 329/QĐ-KTKH-QĐĐT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng)

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
1	CKT9_09	091183201905	Nguyễn Thục Vy	27/08/1991	Nữ	Dà Nẵng	2.03	6.09	Khá	Trung bình
2	KTH5_10	101183201539	Phạm Thái Sơn	30/10/1992	Nam	Đắk Lắk	2.52	6.89	TB Khá	Khá
3	QTDN1_11	111183102143	Trà Lê Phương Thảo	21/10/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.12	6.39	Khá	Trung bình
4	QTDN2_11	111183102238	Cao Thị Sung Phương	02/08/1992	Nữ	Nghệ An	2.20	6.40	Khá	Trung bình
5	QTDN3_11	111183102315	Huyền Thị Mỹ Lê	18/10/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.93	7.65	TB Khá	Khá
6	QTDN4_11	111183102401	Lê Văn Đạt	10/05/1993	Nam	Hà Tĩnh	2.18	6.39	Tốt	Trung bình
7	QTDN4_11	111183102415	Đỗ Phú Khánh	14/11/1989	Nam	Quảng Nam	2.64	7.1	Tốt	Khá
8	Mar_11	111183103130	Trần Thị Tuyết Nhung	03/11/1993	Nữ	Quảng Nam	2.59	6.96	Khá	Khá
9	Mar_11	111183103132	Trà Thị Tố Nữ	20/10/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.05	6.24	Khá	Trung bình
10	KTH10_11	111183201044	Cao Thị Vân	11/07/1993	Nữ	Thanh Hóa	2.13	6.39	Khá	Trung bình
11	KTH5_11	111183201554	Nguyễn Thị Hải Yến	28/07/1993	Nữ	Nghệ An	2.85	7.50	Xuất sắc	Khá
12	KTH8_11	111183201851	Nguyễn Thị Lâm Trúc	23/02/1993	Nữ	Quảng Nam	2.21	6.40	Tốt	Trung bình
13	KTH9_11	111183201907	Đoàn Thị Diệu Bích	20/02/1990	Nữ	Quảng Bình	2.02	6.06	Khá	Trung bình
14	NH1_11	111183301104	Nguyễn Lương Bằng	01/06/1993	Nam	Bình Định	2.04	6.14	Khá	Trung bình
15	NH2_11	111183301241	Hồ Thị Thanh	20/06/1993	Nữ	Nghệ An	2.51	6.92	Tốt	Khá
16	NH3_11	111183301331	Nguyễn Thị Ngọc	25/04/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.79	7.36	TB Khá	Khá
17	TCDN1_11	111183303114	Phạm Thị Như Huyền	02/03/1992	Nữ	Quảng Bình	2.02	6.21	Tốt	Trung bình
18	TCDN1_11	111183303119	Nguyễn Thị Bích Ly	19/08/1992	Nữ	Dà Nẵng	3.21	7.94	Khá	Giỏi
19	TCDN1_11	111183303124	Nguyễn Thị Nguyệt	10/12/1991	Nữ	Quảng Ngãi	2.63	7.13	Tốt	Khá
20	TCDN1_11	111183303155	Lê Thị Yến Vy	30/01/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.20	6.43	TB Khá	Trung bình
21	TCDN2_11	111183303206	Võ Thị Xuân Châu	25/04/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.50	7.00	Khá	Khá
22	TCDN2_11	111183303234	Thân Thanh Phương	11/08/1993	Nam	Quảng nam	2.59	7.10	TB Khá	Khá
23	TCDN2_11	111183303237	Đinh Thanh Quân	03/11/1993	Nam	Dà Nẵng	2.60	7.05	TB Khá	Khá
24	TATM1_11	111183401111	Trần Thị Ánh Minh	16/12/1992	Nữ	Dà Nẵng	2.17	6.47	Tốt	Trung bình
25	TATM2_11	111183401220	Trần Thị Ánh Quỳ	25/10/1993	Nữ	Quảng Nam	2.01	6.31	Tốt	Trung bình
26	TATM4_11	111183401412	Huyền Thị Mỹ Lan	08/08/1992	Nữ	Quảng Nam	2.01	6.34	Tốt	Trung bình
27	KHDT1_12	121183101101	Trương Trường Ai	05/07/1993	Nam	Quảng Nam	2.40	6.78	Khá	Trung bình
28	KHDT1_12	121183101107	Trần Thị Thủy Linh	28/05/1994	Nữ	Quảng Bình	2.62	7.18	Khá	Khá
29	KHDT1_12	121183101115	Trương Thị ái Nhi	19/01/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.65	7.01	Tốt	Khá



STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
30	KHDT1_12	121183101116	Đặng Thị Liên	Phương	Nữ	Hưng Yên	2.65	7.21	Tốt	Khá
31	KHDT1_12	121183101123	Nguyễn Thị Thương	17/05/1994	Nữ	Thanh Hóa	2.53	6.99	Khá	Khá
32	KHDT1_12	121183101126	Phạm Xuân Trường	01/10/1990	Nam	Đăklăk	2.73	7.25	Tốt	Khá
33	QTDN1_12	121183102109	Lương Thị Thủy Diệu	05/11/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.45	8.34	Tốt	Giỏi
34	QTDN1_12	121183102116	Nguyễn Thị Hạnh	02/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.74	7.31	Tốt	Khá
35	QTDN1_12	121183102117	Lê Vũ Đình Hiến	03/09/1994	Nam	Dà Nẵng	2.62	7.07	Khá	Khá
36	QTDN1_12	121183102118	Ngô Thị Hiền	01/02/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.86	7.43	Tốt	Khá
37	QTDN1_12	121183102122	Võ Thị Hương	10/06/1993	Nữ	Quảng Trị	3.47	8.34	Tốt	Khá
38	QTDN1_12	121183102129	Nguyễn Thị Lợi	13/07/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.00	7.66	Tốt	Khá
39	QTDN1_12	121183102130	Đinh Thị Lưu Uyên	21/12/1994	Nữ	Gia Lai	2.45	6.91	Tốt	Trung bình
40	QTDN1_12	121183102133	Nguyễn Thị Mỹ	11/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.37	6.68	Khá	Trung bình
41	QTDN1_12	121183102137	Cao Thị ái Nhi	10/05/1994	Nữ	Quảng Trị	3.30	8.03	Xuất sắc	Giỏi
42	QTDN1_12	121183102139	Lê Quỳnh Như	20/08/1994	Nữ	Quảng Trị	3.32	8.09	Tốt	Giỏi
43	QTDN1_12	121183102140	Trần Thị Hoàn Ni	14/08/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.43	6.82	Tốt	Trung bình
44	QTDN1_12	121183102147	Võ Thị Thu Thảo	12/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.23	6.45	Tốt	Trung bình
45	QTDN1_12	121183102148	Lưu Thị Thật	10/04/1994	Nữ	Đăklăk	2.71	7.27	Khá	Khá
46	QTDN1_12	121183102151	Nguyễn Thị Thanh Thùy	21/09/1994	Nữ	Quảng Trị	3.59	8.70	Tốt	Giỏi
47	QTDN1_12	121183102153	Nguyễn Thị Trâm	18/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.63	7.11	Tốt	Khá
48	QTDN1_12	121183102154	Trần Vũ Quỳnh Trang	01/03/1993	Nữ	Quảng Nam	2.57	6.95	Tốt	Khá
49	QTDN1_12	121183102159	Trần Thị Mỹ Vy	11/06/1993	Nữ	Quảng Nam	2.56	7.08	Tốt	Khá
50	QTDN2_12	121183102204	Nguyễn Chí Công	09/07/1993	Nam	Quảng Bình	2.21	6.45	Tốt	Trung bình
51	QTDN2_12	121183102206	Nguyễn Thị Bích Diệu	28/05/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.89	7.64	Tốt	Khá
52	QTDN2_12	121183102207	Nguyễn Thị Ngọc Dung	20/03/1994	Nữ	Quảng Bình	2.50	6.86	Tốt	Khá
53	QTDN2_12	121183102208	Tô Thị Kim Dung	15/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.65	7.18	Khá	Khá
54	QTDN2_12	121183102209	Nguyễn Thị Duyên	23/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.59	6.87	Khá	Khá
55	QTDN2_12	121183102213	Trần Thị Thu Hà	14/09/1994	Nữ	Quảng Nam	3.21	8.10	Tốt	Giỏi
56	QTDN2_12	121183102216	Trần Thị Thanh Hiền	20/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2.52	6.86	Tốt	Khá
57	QTDN2_12	121183102217	Lê Thị Mỹ Hoa	13/09/1994	Nữ	Quảng Nam	2.86	7.58	Khá	Khá
58	QTDN2_12	121183102226	Nguyễn Thị Huyền	24/03/1994	Nữ	Quảng Trị	2.37	6.68	Tốt	Trung bình
59	QTDN2_12	121183102231	Ngô Thị Mỹ Linh	24/02/1994	Nữ	Nghệ An	2.53	6.93	Khá	Khá
60	QTDN2_12	121183102233	Nguyễn Thị Huỳnh Ly	15/07/1994	Nữ	Quảng Nam	3.00	7.71	Khá	Khá
61	QTDN2_12	121183102234	Đặng Thị Mai	26/04/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.65	7.09	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
62	QTDN2_12	121183102238	Tăng Thị Thu	Nguyễn	Nữ	Dà Nẵng	2.62	7.12	Tốt	Khá
63	QTDN2_12	121183102243	Võ Thị Phương	05/11/1994	Nữ	Quảng Ngãi	3.26	8.09	Tốt	Giỏi
64	QTDN2_12	121183102244	Kiều Võ Quý	01/09/1994	Nam	Hà Tĩnh	2.62	7.09	Tốt	Khá
65	QTDN2_12	121183102252	Đào Thị Thủy	13/11/1994	Nữ	Quảng Nam	3.20	8.12	Tốt	Giỏi
66	QTDN2_12	121183102257	Phạm Thị Tuyết Trinh	26/06/1994	Nữ	Đăklăk	2.85	7.47	Tốt	Khá
67	QTDN3_12	121183102305	Trần Thị Tuyết Diễm	01/09/1994	Nữ	Quảng Nam	2.37	6.75	Tốt	Trung bình
68	QTDN3_12	121183102306	Nguyễn Hồ Văn Diên	16/06/1994	Nam	Quảng Nam	2.31	6.68	Tốt	Trung bình
69	QTDN3_12	121183102307	Nguyễn Thị Duyên	18/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.77	7.36	Khá	Khá
70	QTDN3_12	121183102316	Thái Thị Hạnh	21/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.39	6.79	Khá	Trung bình
71	QTDN3_12	121183102319	Huyền Thị Huệ	23/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2.50	6.98	Tốt	Khá
72	QTDN3_12	121183102320	Phan Lê Phi Hùng	01/01/1993	Nam	Thừa Thiên Huế	2.77	7.32	Tốt	Khá
73	QTDN3_12	121183102321	Trương Công Hưng	01/05/1994	Nam	Thừa Thiên Huế	2.20	6.44	TB Khá	Trung bình
74	QTDN3_12	121183102323	Nguyễn Thị Lan Hương	27/08/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.09	6.21	Khá	Trung bình
75	QTDN3_12	121183102334	Nguyễn Thị ánh Nga	09/02/1994	Nữ	Quảng Bình	3.11	7.90	Xuất sắc	Khá
76	QTDN3_12	121183102338	Huyền Thị Tuyết Nhung	29/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.82	7.17	Khá	Khá
77	QTDN3_12	121183102345	Chu Thị Sáng	24/09/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.78	7.38	Tốt	Khá
78	QTDN3_12	121183102350	Hồ Văn Thụy	15/06/1994	Nam	Quảng Trị	3.43	8.38	Tốt	Giỏi
79	QTDN3_12	121183102352	Trần Thị Thủy	27/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.78	7.50	Tốt	Khá
80	QTDN3_12	121183102355	Nguyễn Thị Thủy Trang	07/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.29	6.66	Xuất sắc	Trung bình
81	QTDN3_12	121183102356	Nguyễn Văn Trí	20/09/1994	Nam	Quảng Nam	2.21	6.44	Tốt	Trung bình
82	QTDN3_12	121183102358	Hoàng Thị Quỳnh Vân	22/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.59	7.11	Khá	Khá
83	QTDN3_12	121183102359	Võ Thị Hoàng Vi	10/04/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.34	6.74	Khá	Trung bình
84	QTDN3_12	121183102360	Đặng Hữu Vỹ	05/05/1994	Nam	Thái Bình	2.14	6.25	Khá	Trung bình
85	QTDN3_12	121183102361	Lê Thị Ý	11/01/1993	Nữ	Quảng Nam	2.74	7.26	Tốt	Khá
86	QTDN3_12	121183102362	Trần Thị Thu Sương	10/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.62	7.09	Tốt	Khá
87	QTDN3_12	121183102363	Lê Thị Bích Yên	01/06/1994	Nữ	Quảng Nam	2.83	7.45	Tốt	Khá
88	QTDN3_12	121183102364	Nguyễn Phước Hoài Anh	09/11/1994	Nữ	Dà Nẵng	3.05	7.91	Tốt	Khá
89	QTDN4_12	121183102401	Nguyễn Thị Nhật Ai	06/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.46	6.87	Tốt	Trung bình
90	QTDN4_12	121183102405	Nguyễn Thị Anh Đào	07/11/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.30	6.55	Khá	Trung bình
91	QTDN4_12	121183102409	Nguyễn Thị Ghinh	27/03/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.62	7.06	Tốt	Khá
92	QTDN4_12	121183102410	Huyền Thị Thu Hà	26/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.51	6.96	Khá	Khá
93	QTDN4_12	121183102414	Nguyễn Thị Hiền	14/03/1994	Nữ	Quảng Nam	3.33	8.22	Tốt	Giỏi

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
94	QTDN4_12	121183102424	Trần Thị Kiều	15/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.71	7.17	Khá	Khá
95	QTDN4_12	121183102433	Lê Thị Nhã	20/06/1994	Nữ	Quảng Trị	2.36	6.66	Tốt	Trung bình
96	QTDN4_12	121183102448	Phạm Thị Thanh Thủy	17/03/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.63	7.07	Khá	Khá
97	QTDN4_12	121183102451	Nguyễn Thị Linh Trang	21/06/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.55	7.26	Tốt	Khá
98	QTDN4_12	121183102452	Hồ Thị Ngọc Trinh	02/02/1994	Nữ	Quảng Trị	2.51	6.98	Khá	Khá
99	QTDN4_12	121183102456	Đoàn Thị Tuyền	23/02/1994	Nữ	Quảng Trị	2.82	7.29	Tốt	Khá
100	QTDN4_12	121183102457	Nguyễn Thị Cẩm Vân	06/08/1994	Nữ	Gia Lai	2.86	7.48	Tốt	Khá
101	QTDN4_12	121183102458	Châu Quốc Văn	21/05/1993	Nam	Dà Nẵng	2.32	6.68	Khá	Trung bình
102	QTDN4_12	121183102459	Nguyễn Thị Tường Vi	10/09/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.63	7.08	Khá	Khá
103	QTDN4_12	121183102461	Bùi Thị Phương Vy	29/08/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.51	6.84	Tốt	Khá
104	QTDN5_12	121183102501	Nguyễn Lê Tuấn Anh	14/10/1993	Nam	Thừa Thiên Huế	2.43	6.71	Xuất sắc	Trung bình
105	QTDN5_12	121183102502	Mai Thị Kim Cúc	13/07/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.54	6.94	Tốt	Khá
106	QTDN5_12	121183102506	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/06/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.35	6.68	Tốt	Trung bình
107	QTDN5_12	121183102507	Phạm Thanh Hằng	21/08/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.10	6.41	Tốt	Trung bình
108	QTDN5_12	121183102514	Trần Thị Hồng	27/06/1994	Nữ	Quảng Bình	2.83	7.36	Tốt	Khá
109	QTDN5_12	121183102520	Nguyễn Thị Cẩm Linh	01/05/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.55	7.10	Khá	Khá
110	QTDN5_12	121183102532	Phạm Thị Nhứt	16/08/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.59	6.98	Khá	Khá
111	QTDN5_12	121183102533	Nguyễn Thị Như Niên	01/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.64	7.21	Khá	Khá
112	QTDN5_12	121183102543	Nguyễn Thị Kim Thảo	16/08/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.63	7.14	Tốt	Khá
113	QTDN5_12	121183102552	Đỗ Thị Thủy	20/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.12	6.44	Tốt	Trung bình
114	Marl_12	121183103102	Lê Thu Dung	27/03/1993	Nữ	Quảng Nam	2.51	6.74	Khá	Khá
115	Marl_12	121183103105	Lê Thị Hằng	08/06/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.50	6.96	Khá	Khá
116	Marl_12	121183103107	Ngô Thị Hiền	15/04/1994	Nữ	Gia Lai	2.82	7.52	Trung bình	Khá
117	Marl_12	121183103108	Võ Thị Hiền	25/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.24	6.56	Khá	Trung bình
118	Marl_12	121183103109	Phạm Thị Kim Hiếu	17/05/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.45	6.99	Khá	Trung bình
119	Marl_12	121183103111	Phan Thị Hữu Huyền	16/10/1993	Nữ	Bình Định	2.27	6.67	Khá	Trung bình
120	Marl_12	121183103112	Nguyễn Thị Lanh	25/09/1993	Nữ	Quảng Nam	2.69	7.13	Khá	Khá
121	Marl_12	121183103116	Lê Thị Thiên Lộc	17/12/1993	Nữ	Quảng Nam	2.79	7.27	Khá	Khá
122	Marl_12	121183103122	Võ Thị Thúy Ngân	20/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.84	7.53	Khá	Khá
123	Marl_12	121183103123	Phan Thị Như Ngọc	23/05/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.38	6.81	Khá	Trung bình
124	Marl_12	121183103126	Nguyễn Thị Kim Phú	21/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.76	7.48	Tốt	Khá
125	Marl_12	121183103127	Cao Thị Hồng Phúc	26/06/1994	Nữ	Gia Lai	2.35	6.75	Tốt	Trung bình

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
126	Mar1_12	121183103132	Đỗ Thị Thu	30/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.62	7.13	Tốt	Khá
127	Mar1_12	121183103136	Lê Thị Thu	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.74	7.21	Khá	Khá
128	Mar1_12	121183103142	Đinh Thị Lý	19/09/1994	Nữ	Quảng Bình	2.54	7.06	Khá	Khá
129	Mar1_12	121183103147	Lê Thị Phương	09/03/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.67	7.28	Tốt	Khá
130	Mar2_12	121183103201	Chu Thị Thanh	25/02/1994	Nữ	Nghệ An	3.05	7.82	Tốt	Khá
131	Mar2_12	121183103203	Võ Thị Kiều	02/08/1994	Nữ	Quảng Trị	2.69	7.11	Tốt	Khá
132	Mar2_12	121183103204	Trần Thị Minh	18/09/1994	Nữ	Quảng Trị	3.27	8.14	Tốt	Giỏi
133	Mar2_12	121183103209	Đoàn Thị Thủy	15/11/1994	Nữ	Quảng Bình	3.55	8.60	Tốt	Khá
134	Mar2_12	121183103212	Lê Đình	04/10/1994	Nam	Quảng Trị	2.66	7.19	Tốt	Khá
135	Mar2_12	121183103213	Trần Thanh	23/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.30	6.55	Tốt	Trung bình
136	Mar2_12	121183103216	Nguyễn Quốc	20/01/1994	Nam	Quảng Nam	2.55	7.06	Tốt	Khá
137	Mar2_12	121183103219	Lê Thị Thu	23/03/1993	Nữ	Đăklăk	2.29	6.70	TB Khá	Trung bình
138	Mar2_12	121183103237	Phạm Thị Thanh	28/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.70	7.11	Tốt	Khá
139	Mar2_12	121183103239	Nguyễn Thị Thùy	28/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.66	7.14	Tốt	Khá
140	KTTH10_12	121183201005	Trần Thị Hải	17/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.45	6.80	Khá	Trung bình
141	KTTH10_12	121183201009	Viêm Thị	13/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.57	6.87	Khá	Khá
142	KTTH10_12	121183201015	Hoàng Thị Thu	04/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.88	7.50	Khá	Khá
143	KTTH10_12	121183201016	Phan Thị Như	08/08/1993	Nữ	Quảng Nam	2.61	7.21	Khá	Khá
144	KTTH10_12	121183201019	Nguyễn Thị	07/06/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.31	8.14	Khá	Giỏi
145	KTTH10_12	121183201021	Nguyễn Thị Lan	12/01/1994	Nữ	Quảng Bình	2.61	7.05	Xuất sắc	Khá
146	KTTH10_12	121183201022	Nguyễn Khánh	16/05/1994	Nữ	Quảng Bình	2.71	7.31	Tốt	Khá
147	KTTH10_12	121183201027	Lại Khánh	02/08/1993	Nữ	Phú Yên	3.21	8.03	Tốt	Giỏi
148	KTTH10_12	121183201029	Tô Thị Mỹ	26/06/1994	Nữ	Bình Định	2.88	7.44	Khá	Khá
149	KTTH10_12	121183201031	Huỳnh Thị	10/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.97	7.49	Tốt	Khá
150	KTTH10_12	121183201033	Huỳnh Thị Thu	21/01/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.71	7.20	Khá	Khá
151	KTTH10_12	121183201036	Lê Ngọc	19/05/1994	Nữ	Quảng Trị	2.98	7.78	Tốt	Khá
152	KTTH10_12	121183201039	Vũ Thị Hồng	08/10/1994	Nữ	Gia Lai	2.70	7.25	Xuất sắc	Khá
153	KTTH10_12	121183201044	Nguyễn Thị	09/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.74	7.36	Khá	Khá
154	KTTH10_12	121183201045	Phan Thị	06/05/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.91	7.64	Tốt	Khá
155	KTTH10_12	121183201047	Hồ Thị	01/07/1994	Nữ	Quảng Bình	2.53	6.81	Khá	Khá
156	KTTH10_12	121183201048	Nguyễn Cửu Thị	28/03/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.64	7.03	Tốt	Khá
157	KTTH10_12	121183201053	Hoàng Linh	01/06/1994	Nữ	Quảng Bình	2.53	6.96	Khá	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
158	KTHH10_12	121183201056	Mai Thị Hồng	Trinh	Nữ	Quảng Nam	2.60	7.03	Tốt	Khá
159	KTHH10_12	121183201058	Nguyễn Thị Hoài	Xuân	Nữ	Quảng Bình	3.21	7.98	Khá	Giỏi
160	KTHH1_12	121183201101	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	Đà Nẵng	2.61	7.11	Tốt	Khá
161	KTHH1_12	121183201102	Phan Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Đà Nẵng	2.14	6.47	Tốt	Trung bình
162	KTHH1_12	121183201103	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	Quảng Trị	2.50	6.95	Xuất sắc	Khá
163	KTHH1_12	121183201104	Võ Thị Như	Hải	Nữ	Quảng Trị	2.57	6.90	Tốt	Khá
164	KTHH1_12	121183201107	Võ Thị	Hằng	Nữ	Hà Tĩnh	2.13	6.32	Tốt	Trung bình
165	KTHH1_12	121183201113	Phan Thị Diệu	Hiền	Nữ	Đà Nẵng	2.41	6.76	Tốt	Trung bình
166	KTHH1_12	121183201114	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	Quảng Bình	3.06	7.68	Tốt	Khá
167	KTHH1_12	121183201115	Nguyễn Thị Trang	Hương	Nữ	Quảng Trị	2.64	7.01	Khá	Khá
168	KTHH1_12	121183201117	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	Quảng Trị	2.82	7.51	Tốt	Khá
169	KTHH1_12	121183201119	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	Quảng Nam	2.04	6.20	Tốt	Trung bình
170	KTHH1_12	121183201128	Phan Thị Thanh	Nhân	Nữ	Quảng Trị	2.65	7.20	Tốt	Khá
171	KTHH1_12	121183201129	Nguyễn Đình	Nhân	Nam	Quảng Trị	2.98	7.61	Tốt	Khá
172	KTHH1_12	121183201130	Nguyễn Thị Thủy	Nhi	Nữ	Quảng Trị	2.87	7.44	Tốt	Khá
173	KTHH1_12	121183201132	Nguyễn Thị	Như	Nữ	Quảng Trị	2.11	6.24	Tốt	Trung bình
174	KTHH1_12	121183201135	Đào Thị Kiều	Oanh	Nữ	Quảng Bình	2.64	7.20	Tốt	Khá
175	KTHH1_12	121183201141	Phạm Văn	Sĩ	Nam	Quảng Nam	2.15	6.39	Tốt	Trung bình
176	KTHH1_12	121183201142	Bùi Thị Mỹ	Tâm	Nữ	Quảng Trị	2.55	7.01	Tốt	Khá
177	KTHH1_12	121183201144	Trần Thị	Thắm	Nữ	Hà Tĩnh	3.20	7.92	Tốt	Giỏi
178	KTHH1_12	121183201149	Bùi Thị Thủy	Trang	Nữ	Quảng trị	2.52	6.70	Tốt	Khá
179	KTHH1_12	121183201150	Hà Thị	Trang	Nữ	Phú Thọ	3.27	8.13	Tốt	Giỏi
180	KTHH1_12	121183201151	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	Quảng Nam	2.73	7.40	Tốt	Khá
181	KTHH1_12	121183201154	Lưu Thị Lệ	Vĩ	Nữ	Đà Nẵng	2.10	6.37	Khá	Trung bình
182	KTHH2_12	121183201203	Trần Thị Thu	Diễm	Nữ	Quảng Trị	3.07	7.81	Tốt	Khá
183	KTHH2_12	121183201205	Lê Thị Hoàng	Diệu	Nữ	Đà Nẵng	2.52	6.94	Tốt	Khá
184	KTHH2_12	121183201206	Nguyễn Thị Lệ	Dung	Nữ	Quảng Bình	2.54	7.00	Tốt	Khá
185	KTHH2_12	121183201207	Hồ Thị	Duyên	Nữ	Nghệ An	2.45	6.87	Tốt	Trung bình
186	KTHH2_12	121183201210	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	Thanh Hóa	2.64	7.12	Xuất sắc	Khá
187	KTHH2_12	121183201213	Võ Thị	Kim	Nữ	Đà Nẵng	3.64	8.82	Tốt	Xuất sắc
188	KTHH2_12	121183201214	Ngô Thị	Lan	Nữ	Quảng Nam	2.60	7.11	Tốt	Khá
189	KTHH2_12	121183201215	Phan Thị Kiều	Lệ	Nữ	Bình Định	2.93	7.69	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
190	KTH2_12	121183201216	Bùi Thị Thảo	Linh	Nữ	Quảng Trị	2.73	7.35	Tốt	Khá
191	KTH2_12	121183201221	Phạm Thị Loan	17/10/1994	Nữ	Quảng Nam	3.44	8.32	Tốt	Khá
192	KTH2_12	121183201222	Phạm Thị Mai	Lý	Nữ	Đà Nẵng	3.22	8.06	Tốt	Giỏi
193	KTH2_12	121183201224	Bùi Thị Minh	20/08/1994	Nữ	Quảng Nam	3.03	7.72	Tốt	Khá
194	KTH2_12	121183201225	Lê Thị Mùi	01/04/1994	Nữ	Nghệ An	2.56	6.96	Tốt	Khá
195	KTH2_12	121183201226	Nguyễn Thị Mỹ	02/11/1994	Nữ	Quảng Nam	2.93	7.72	Tốt	Khá
196	KTH2_12	121183201228	Nguyễn Thị Ngân	14/08/1994	Nữ	Nghệ An	2.40	6.84	Tốt	Trung bình
197	KTH2_12	121183201230	Phạm Thị Nguyễn	27/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.77	7.34	Tốt	Khá
198	KTH2_12	121183201231	Lê Thị Thảo	Nhi	Nữ	Quảng Trị	2.74	7.30	Tốt	Khá
199	KTH2_12	121183201232	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Quảng Trị	2.74	7.36	Tốt	Khá
200	KTH2_12	121183201236	Dương Thị Thắm	31/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.37	6.91	Khá	Trung bình
201	KTH2_12	121183201242	Trần Thị Thu	05/10/1992	Nữ	Quảng Trị	2.80	7.40	Tốt	Khá
202	KTH2_12	121183201243	Lê Thị Thương	07/11/1994	Nữ	Quảng Trị	2.50	6.96	Xuất sắc	Khá
203	KTH2_12	121183201246	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	28/08/1993	Nữ	Quảng Trị	2.68	7.11	Tốt	Khá
204	KTH2_12	121183201248	Lê Thị Trang	11/10/1993	Nữ	Quảng Nam	2.65	7.15	Tốt	Khá
205	KTH2_12	121183201251	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/11/1994	Nữ	Quảng Trị	2.99	7.60	Tốt	Khá
206	KTH2_12	121183201252	Nguyễn Thị Vân	15/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.84	7.51	Tốt	Khá
207	KTH3_12	121183201305	Võ Thị Thu	10/10/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.28	6.59	Tốt	Trung bình
208	KTH3_12	121183201309	Huyền Thị Hiền	15/09/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	7.37	Tốt	Khá
209	KTH3_12	121183201314	Bùi Thị Thảo	10/03/1994	Nữ	Vũng Tàu	2.27	6.59	Tốt	Trung bình
210	KTH3_12	121183201316	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	Quảng Bình	2.97	7.53	Tốt	Khá
211	KTH3_12	121183201317	Hoàng Thị Liên	25/04/1994	Nữ	Quảng Bình	2.67	7.28	Tốt	Khá
212	KTH3_12	121183201318	Mai Thị Phương	Linh	Nữ	Quảng Bình	3.11	7.77	Tốt	Khá
213	KTH3_12	121183201321	Trịnh Thị Linh	10/04/1994	Nữ	Quảng Nam	2.88	7.57	Tốt	Khá
214	KTH3_12	121183201323	Trần Thị Luân	05/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.85	7.55	Khá	Khá
215	KTH3_12	121183201324	Võ Thị Ly	04/07/1993	Nữ	Đồng Nai	2.56	7.13	Tốt	Khá
216	KTH3_12	121183201327	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	Nữ	Hà Tĩnh	2.70	7.14	Tốt	Khá
217	KTH3_12	121183201328	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	Quảng Trị	2.63	7.19	Khá	Khá
218	KTH3_12	121183201329	Nguyễn Thị Nguyệt	26/08/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.04	6.33	Tốt	Trung bình
219	KTH3_12	121183201330	Võ Thị Nguyệt	20/07/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.67	7.16	Tốt	Khá
220	KTH3_12	121183201331	Hồ Cẩm Nhung	12/06/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.34	6.60	Tốt	Trung bình
221	KTH3_12	121183201332	Lê Thị Phương	21/10/1994	Nữ	Hà Tây	2.70	7.29	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
222	KTTH3_12	121183201334	Ngô Thị Phương	01/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2.60	7.03	Tốt	Khá
223	KTTH3_12	121183201335	Tăng Tấn Quang	24/03/1994	Nam	Dà Nẵng	2.14	6.43	Tốt	Trung bình
224	KTTH3_12	121183201338	Bùi Thị Phương Thảo	25/05/1994	Nữ	Quảng Trị	2.44	6.82	Khá	Trung bình
225	KTTH3_12	121183201339	Lê Thị Thảo	01/02/1994	Nữ	Quảng Trị	2.88	7.57	Tốt	Khá
226	KTTH3_12	121183201341	Trần Thị Thảo	09/09/1994	Nữ	Quảng Trị	2.71	7.21	Tốt	Khá
227	KTTH3_12	121183201342	Nguyễn Thị Hồng Thuyết	24/01/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.78	7.37	Tốt	Khá
228	KTTH3_12	121183201343	Lê Thị Trang	23/07/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.89	7.59	Tốt	Khá
229	KTTH3_12	121183201346	Lê Thị Tuyết	20/02/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.56	7.10	Tốt	Khá
230	KTTH3_12	121183201347	Hồ Thị Mỹ Uyên	18/10/1993	Nữ	Quảng Nam	2.53	6.91	Khá	Khá
231	KTTH3_12	121183201348	Dương Thị Vĩ	01/01/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.46	6.86	Khá	Trung bình
232	KTTH3_12	121183201350	Lê Thị Hà Vy	12/02/1994	Nữ	Quảng Trị	2.73	7.19	Khá	Khá
233	KTTH3_12	121183201351	Nguyễn Thị Thúy Yên	27/02/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.41	6.84	Tốt	Trung bình
234	KTTH3_12	121183201352	Hoàng Yến	25/11/1994	Nữ	Bình Định	2.14	6.49	Tốt	Trung bình
235	KTTH3_12	121183201354	Nguyễn Hồng Lê	21/11/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.63	7.23	Tốt	Khá
236	KTTH4_12	121183201404	Đỗ Thị Dung	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.65	7.19	Tốt	Khá
237	KTTH4_12	121183201405	Hồ Thùy Dung	22/08/1993	Nữ	Gia Lai	2.64	7.13	Tốt	Khá
238	KTTH4_12	121183201406	Bùi Thị Mỹ Duyên	02/06/1994	Nữ	Quảng Bình	2.55	6.86	Tốt	Khá
239	KTTH4_12	121183201409	Lê Thị Hạnh	30/01/1994	Nữ	Quảng Trị	2.09	6.41	Tốt	Trung bình
240	KTTH4_12	121183201410	Đậu Thị Hiền	18/12/1994	Nữ	Nghệ An	2.85	7.50	Tốt	Khá
241	KTTH4_12	121183201411	Nguyễn Thị Hiền	26/04/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.11	7.75	Tốt	Khá
242	KTTH4_12	121183201412	Nguyễn Thị Hiền	28/08/1994	Nữ	Đắk Lắk	2.53	6.96	Tốt	Khá
243	KTTH4_12	121183201414	Dương Thị Hương	12/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.38	6.76	Tốt	Trung bình
244	KTTH4_12	121183201419	Huỳnh Thị Trúc Linh	10/02/1994	Nữ	Quảng Nam	3.21	8.10	Tốt	Giỏi
245	KTTH4_12	121183201424	Nguyễn Thị Hồng Ly	27/07/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.51	7.10	Tốt	Khá
246	KTTH4_12	121183201427	Nguyễn Thị Ngân	25/01/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.96	7.67	Tốt	Khá
247	KTTH4_12	121183201429	Trần Thị Nguyệt	30/07/1994	Nữ	Vũng Tàu	2.57	6.99	Tốt	Khá
248	KTTH4_12	121183201432	Nguyễn Thị Phương Anh	11/01/1993	Nữ	Quảng Bình	2.56	7.05	Tốt	Khá
249	KTTH4_12	121183201435	Võ Thị Phương	28/08/1994	Nữ	Quảng Trị	2.90	7.65	Tốt	Khá
250	KTTH4_12	121183201436	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25/07/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.51	7.02	Tốt	Khá
251	KTTH4_12	121183201439	Nguyễn Thị Diệu Thảo	28/09/1994	Nữ	Quảng Trị	2.22	6.43	Tốt	Trung bình
252	KTTH4_12	121183201442	Trần Thị Thảo	15/08/1994	Nữ	Quảng Bình	2.82	7.31	Tốt	Khá
253	KTTH4_12	121183201447	Lê Thị Phước Trinh	02/11/1994	Nữ	Quảng Nam	2.91	7.42	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
254	KTH4_12	121183201448	Trần Thị Tư	08/11/1994	Nữ	Dà Nẵng	3.10	7.99	Tốt	Khá
255	KTH4_12	121183201451	Phạm Thị Hồng Vân	25/01/1993	Nữ	Quảng Nam	2.91	7.71	Xuất sắc	Khá
256	KTH4_12	121183201453	Nguyễn Ngọc Việt	01/01/1993	Nam	Quảng Trị	2.72	7.26	Xuất sắc	Khá
257	KTH4_12	121183201456	Nguyễn Thị Yến	13/11/1993	Nữ	Nghệ An	2.81	7.42	Tốt	Khá
258	KTH4_12	121183201457	Phan Thị Yến	18/01/1994	Nữ	Dà Nẵng	3.20	8.20	Tốt	Giỏi
259	KTH4_12	121183201459	Phạm Thị Ánh	24/07/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.60	7.12	Tốt	Khá
260	KTH5_12	121183201502	Nguyễn Thị Châu	02/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.18	6.44	Khá	Trung bình
261	KTH5_12	121183201503	Nguyễn Thị Diễm	07/12/1994	Nữ	Bình Định	3.68	9.00	Tốt	Xuất sắc
262	KTH5_12	121183201510	Nguyễn Minh Hằng	27/07/1994	Nữ	Nghệ An	3.68	9.06	Tốt	Xuất sắc
263	KTH5_12	121183201511	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/06/1994	Nữ	Quảng Bình	3.30	8.14	Tốt	Giỏi
264	KTH5_12	121183201513	Lê Thị Ngọc Hạnh	01/10/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.73	7.35	TB Khá	Khá
265	KTH5_12	121183201517	Nguyễn Thị Hoa	07/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	3.41	8.28	Tốt	Giỏi
266	KTH5_12	121183201518	Nguyễn Thị Kim Huệ	29/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.54	6.92	Khá	Khá
267	KTH5_12	121183201522	Nguyễn Thị Trâm Huyền	23/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.55	6.87	Khá	Khá
268	KTH5_12	121183201524	Trần Diệp Lam	05/09/1994	Nữ	Quảng Nam	3.01	7.77	Khá	Khá
269	KTH5_12	121183201525	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/10/1994	Nữ	Quảng Nam	3.26	7.98	Xuất sắc	Giỏi
270	KTH5_12	121183201527	Nguyễn Thị Mân	28/04/1994	Nữ	Bình Định	3.09	7.78	Tốt	Khá
271	KTH5_12	121183201529	Nguyễn Thị Bích Nga	06/01/1992	Nữ	Dà Nẵng	2.59	7.14	Khá	Khá
272	KTH5_12	121183201530	Lê Thị Kim Ngân	24/04/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.00	7.70	Khá	Khá
273	KTH5_12	121183201538	Trần Thị Thu Quỳnh	03/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.95	7.56	Khá	Khá
274	KTH5_12	121183201539	Hoàng Như Son	24/09/1993	Nữ	Dà Nẵng	2.23	6.47	TB Khá	Trung bình
275	KTH5_12	121183201540	Võ Thị Sương	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	3.68	8.91	Xuất sắc	Xuất sắc
276	KTH5_12	121183201541	Thái Thị Tài	11/07/1994	Nữ	Nghệ An	3.04	7.67	Tốt	Khá
277	KTH5_12	121183201542	Lê Thị Tiên	20/01/1994	Nữ	Quảng Nam	3.36	8.28	Tốt	Giỏi
278	KTH5_12	121183201546	Võ Thị Thuý Tiên	27/06/1993	Nữ	Quảng Nam	2.83	7.40	TB Khá	Khá
279	KTH5_12	121183201547	Nguyễn Thị Trâm	05/11/1994	Nữ	Quảng Nam	2.72	7.39	Tốt	Khá
280	KTH5_12	121183201548	Ngô Thị Triều	09/06/1994	Nữ	Quảng Nam	3.39	8.23	Khá	Giỏi
281	KTH5_12	121183201551	Phan Thị Anh	15/06/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.77	7.37	Khá	Khá
282	KTH5_12	121183201552	Nguyễn Kiều Trinh	06/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.47	6.92	Khá	Trung bình
283	KTH5_12	121183201554	Lê Thị Ngọc Tuyền	15/07/1994	Nữ	Quảng Trị	2.72	7.33	Tốt	Khá
284	KTH5_12	121183201555	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.70	7.05	Khá	Khá
285	KTH6_12	121183201604	Trần Thị Bình	04/05/1994	Nữ	Quảng Nam	3.37	8.25	Tốt	Giỏi

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
286	KTHH6_12	121183201608	Đặng Thị Kim Diệu	02/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2.87	7.51	Tốt	Khá
287	KTHH6_12	121183201614	Nguyễn Thị Phương Hoa	12/12/1994	Nữ	Quảng Trị	2.40	6.79	Tốt	Trung bình
288	KTHH6_12	121183201617	Trần Thị Huệ	04/06/1994	Nữ	Quảng Trị	2.95	7.72	Khá	Khá
289	KTHH6_12	121183201628	Trương Thị Mến	21/12/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.93	7.60	Tốt	Khá
290	KTHH6_12	121183201631	Hà Ngọc Ly Na	23/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2.74	7.32	Tốt	Khá
291	KTHH6_12	121183201633	Phạm Thị Na	22/05/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.52	8.63	Tốt	Giỏi
292	KTHH6_12	121183201636	Trần Thị Minh Nguyệt	14/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.81	7.58	Tốt	Khá
293	KTHH6_12	121183201645	Lê Thị Thủy	15/04/1994	Nữ	Nghệ An	2.91	7.60	Khá	Khá
294	KTHH6_12	121183201649	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	15/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.71	7.17	Xuất sắc	Khá
295	KTHH6_12	121183201651	Trần Thị Lệ Trinh	09/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.84	7.48	Khá	Khá
296	KTHH6_12	121183201655	Huyền Thị Chúc Vi	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.04	6.21	Khá	Trung bình
297	KTHH6_12	121183201656	Nguyễn Thị Vỹ	31/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2.90	7.50	Khá	Khá
298	KTHH7_12	121183201702	Võ Thị Ngọc Anh	17/01/1994	Nữ	Quảng Bình	3.49	8.44	Tốt	Giỏi
299	KTHH7_12	121183201707	Nguyễn Thị Dương	01/01/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.74	7.34	Tốt	Khá
300	KTHH7_12	121183201708	Trần Thị Duyên	04/09/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.82	7.32	Tốt	Khá
301	KTHH7_12	121183201709	Lê Thị Hương Giang	20/08/1993	Nữ	Hà Tĩnh	2.61	7.06	Khá	Khá
302	KTHH7_12	121183201711	Võ Thị Thu Hà	08/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.73	7.19	Khá	Khá
303	KTHH7_12	121183201713	Võ Thị Mỹ Hạnh	15/01/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.89	7.59	Xuất sắc	Khá
304	KTHH7_12	121183201714	Trần Thị Hẹn	08/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.40	6.83	Tốt	Trung bình
305	KTHH7_12	121183201716	Nguyễn Thị Thái Hoà	10/01/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.37	8.14	Tốt	Giỏi
306	KTHH7_12	121183201717	Bùi Kim Hoàng	18/10/1994	Nữ	Quảng Nam	3.17	7.98	Tốt	Khá
307	KTHH7_12	121183201719	Nguyễn Thị Thu Hương	08/08/1994	Nữ	Quảng Nam	3.00	7.73	Tốt	Khá
308	KTHH7_12	121183201723	Đoàn Thị Long	19/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2.81	7.53	Tốt	Khá
309	KTHH7_12	121183201726	Phan Hồng Nhân	01/03/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.38	8.28	Xuất sắc	Giỏi
310	KTHH7_12	121183201727	Hồ Thị Hà Nhi	19/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.82	7.37	Tốt	Khá
311	KTHH7_12	121183201728	Dương Thị Oanh	18/09/1993	Nữ	Quảng Trị	3.01	7.68	Tốt	Khá
312	KTHH7_12	121183201729	Lê Thị Phương	24/06/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.55	7.09	Khá	Khá
313	KTHH7_12	121183201730	Trần Thị Nhã Phương	12/08/1994	Nữ	Quảng Bình	3.37	8.28	Tốt	Khá
314	KTHH7_12	121183201731	Trương Thị Hồng Phương	07/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	2.80	7.30	Tốt	Khá
315	KTHH7_12	121183201734	Hoàng Thị Lệ Quyên	26/01/1993	Nữ	Quảng Bình	3.50	8.53	Tốt	Giỏi
316	KTHH7_12	121183201735	Trần Thị Như Quyên	06/12/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.77	7.25	Tốt	Khá
317	KTHH7_12	121183201736	Trần Thị Như Quỳnh	15/06/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.22	8.06	Tốt	Giỏi

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
318	KTHH7_12	121183201737	Nguyễn Thị Thủy	Sương	Nữ	Quảng Nam	2.57	7.07	Tốt	Khá
319	KTHH7_12	121183201738	Trần Thị Thu	Thanh	Nữ	Quảng Nam	2.62	7.02	Tốt	Khá
320	KTHH7_12	121183201739	Lý Thị Như	Thảo	Nữ	Quảng Nam	3.04	7.74	Tốt	Khá
321	KTHH7_12	121183201740	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	Quảng Nam	2.70	7.22	Tốt	Khá
322	KTHH7_12	121183201741	Nguyễn Thị	Thiệp	Nữ	Quảng Trị	2.90	7.61	Tốt	Khá
323	KTHH7_12	121183201742	Trương Thị Kim	Thoa	Nữ	Bình Định	2.86	7.47	Tốt	Khá
324	KTHH7_12	121183201746	Trần Thị Thủy	Trâm	Nữ	Dà Nẵng	2.85	7.57	Tốt	Khá
325	KTHH7_12	121183201749	Đào Thị Việt	Trinh	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.87	7.60	Tốt	Khá
326	KTHH7_12	121183201753	Dương Ngọc Khánh	Vân	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.94	7.53	Tốt	Khá
327	KTHH7_12	121183201755	Huỳnh Thị Minh	Xuân	Nữ	Dà Nẵng	2.13	6.30	Tốt	Trung bình
328	KTHH8_12	121183201805	Dương Thị Mỹ	Dung	Nữ	Quảng Nam	2.55	7.03	Tốt	Khá
329	KTHH8_12	121183201806	Lưu Thị Mỹ	Dung	Nữ	Quảng Nam	2.22	6.53	Khá	Trung bình
330	KTHH8_12	121183201811	Bùi Thị	Hồng	Nữ	Quảng Nam	2.71	7.24	Khá	Khá
331	KTHH8_12	121183201813	Hồ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Quảng Trị	3.22	8.01	Tốt	Giỏi
332	KTHH8_12	121183201814	Hoàng Ngọc	Huyền	Nữ	Quảng Trị	3.10	7.78	Khá	Khá
333	KTHH8_12	121183201820	Đoàn Thị Mỹ	Linh	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.05	7.86	Tốt	Khá
334	KTHH8_12	121183201821	Lê Thị Cẩm	Linh	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.47	6.83	Khá	Trung bình
335	KTHH8_12	121183201824	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	Quảng Trị	2.73	7.32	Tốt	Khá
336	KTHH8_12	121183201825	Trần Thị Sao	Mai	Nữ	Hà Tĩnh	2.97	7.61	Tốt	Khá
337	KTHH8_12	121183201829	Nguyễn Thị J	Nà	Nữ	Quảng Nam	2.33	6.68	Tốt	Trung bình
338	KTHH8_12	121183201831	Lê Thị Mỹ	Nga	Nữ	Đắk Lắk	2.65	7.08	Tốt	Khá
339	KTHH8_12	121183201832	Lê Thị Tố	Nga	Nữ	Dà Nẵng	2.62	7.09	Tốt	Khá
340	KTHH8_12	121183201833	Trần Thị	Nghĩa	Nữ	Hà Tĩnh	2.88	7.44	Tốt	Khá
341	KTHH8_12	121183201836	Đoàn Thị Hồng	Nhung	Nữ	Quảng Trị	2.91	7.48	Tốt	Khá
342	KTHH8_12	121183201837	Trần Quang	Phát	Nam	Quảng Nam	2.33	6.79	Khá	Trung bình
343	KTHH8_12	121183201838	Hoàng Thanh	Phuong	Nữ	Gia Lai	2.73	7.30	Tốt	Khá
344	KTHH8_12	121183201841	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.85	7.50	Tốt	Khá
345	KTHH8_12	121183201846	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	Quảng Nam	2.71	7.34	Tốt	Khá
346	KTHH8_12	121183201847	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	Quảng Nam	2.10	6.31	Tốt	Trung bình
347	KTHH8_12	121183201848	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	Quảng Trị	2.71	7.27	Xuất sắc	Khá
348	KTHH8_12	121183201849	Huỳnh Thị Kiều	Trang	Nữ	Quảng Nam	2.80	7.38	Khá	Khá
349	KTHH8_12	121183201852	Trương Thị	Tươi	Nữ	Quảng Bình	2.55	6.96	Khá	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
350	KTTH8_12	121183201853	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/03/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.39	6.89	Khá	Trung bình
351	KTTH8_12	121183201854	Nguyễn Thị Ngọc Vân	07/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.35	6.82	Khá	Trung bình
352	KTTH8_12	121183201856	Mai Thị Vê	20/01/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.20	6.53	Tốt	Trung bình
353	KTTH9_12	121183201904	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/03/1994	Nữ	Quảng Trị	2.56	6.78	Khá	Khá
354	KTTH9_12	121183201906	Nguyễn Thị Bình	01/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.78	7.41	Tốt	Khá
355	KTTH9_12	121183201908	Đặng Thị Kim Chi	07/03/1994	Nữ	Quảng Bình	2.59	6.98	Khá	Khá
356	KTTH9_12	121183201911	Đinh Thị Thủy Dương	02/07/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.39	8.43	Khá	Giỏi
357	KTTH9_12	121183201912	Phạm Nguyễn Mỹ Duyên	01/01/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.72	7.27	Khá	Khá
358	KTTH9_12	121183201913	Lê Thị Hà	10/01/1994	Nữ	Quảng Trị	2.67	7.31	Tốt	Khá
359	KTTH9_12	121183201915	Hoàng Thị Hằng	27/10/1994	Nữ	Quảng Trị	2.62	7.33	Khá	Khá
360	KTTH9_12	121183201917	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.34	6.78	Khá	Trung bình
361	KTTH9_12	121183201919	Trần Thị Thanh Hiền	27/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.87	7.45	Tốt	Khá
362	KTTH9_12	121183201920	Lê Thị Kim Hoa	27/10/1994	Nữ	Quảng Nam	3.51	8.39	Tốt	Giỏi
363	KTTH9_12	121183201921	Nguyễn Thị Thanh Hương	02/11/1994	Nữ	Quảng Nam	3.23	7.98	Tốt	Giỏi
364	KTTH9_12	121183201924	Hoàng Thị Ngọc Lan	22/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.50	6.99	Khá	Khá
365	KTTH9_12	121183201925	Lê Thị Hiền Linh	25/02/1994	Nữ	Bình Định	2.80	7.44	Tốt	Khá
366	KTTH9_12	121183201928	Phạm Thị Mai	22/10/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.71	7.28	Tốt	Khá
367	KTTH9_12	121183201930	Bùi Thị Như Mơ	11/04/1994	Nữ	Quảng Nam	2.89	7.52	Khá	Khá
368	KTTH9_12	121183201933	Dương Thị Nga	13/04/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.03	7.84	Tốt	Khá
369	KTTH9_12	121183201934	Phạm Thị Nga	24/02/1994	Nữ	Quảng Bình	2.70	7.26	Tốt	Khá
370	KTTH9_12	121183201936	Nguyễn Thị Nguyệt	27/07/1994	Nữ	Quảng Bình	3.14	7.97	Tốt	Khá
371	KTTH9_12	121183201937	Hồ Thị Yên Nhi	19/07/1994	Nữ	Dà Nẵng	2.64	7.09	Tốt	Khá
372	KTTH9_12	121183201938	Trần Thị Nhi	15/06/1994	Nữ	Quảng Trị	2.85	7.49	Khá	Khá
373	KTTH9_12	121183201939	Nguyễn Thị Hoài Như	10/02/1994	Nữ	Quảng Trị	2.83	7.59	Khá	Khá
374	KTTH9_12	121183201941	Dương Thị Phương	30/03/1994	Nữ	Nghệ An	2.91	7.46	Khá	Khá
375	KTTH9_12	121183201950	Lê Thị Thủy	04/08/1994	Nữ	Quảng Bình	2.51	6.95	Khá	Khá
376	KTTH9_12	121183201951	Nguyễn Thị Thủy	25/07/1994	Nữ	Quảng Trị	3.57	8.63	Khá	Giỏi
377	KTTH9_12	121183201953	Dương Thị Kim Tiên	15/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.97	7.61	Tốt	Khá
378	KTTH9_12	121183201958	Phạm Thị Quỳnh	25/07/1994	Nữ	Thanh Hóa	2.65	7.15	Khá	Khá
379	KTTH11_12	121183211103	Nguyễn Hữu Kim Chi	21/06/1994	Nữ	Quảng Trị	2.61	7.21	Xuất sắc	Khá
380	KTTH11_12	121183211106	Nguyễn Thị Thủy Diệu	13/01/1993	Nữ	Quảng Trị	2.98	7.55	Tốt	Khá
381	KTTH11_12	121183211108	Hồ Thị Cẩm Giang	22/10/1994	Nữ	Quảng Bình	2.98	7.64	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
382	KTTH11_12	121183211111	Trần Hương	03/08/1993	Nữ	Quảng Bình	2.07	6.34	Tốt	Trung bình
383	KTTH11_12	121183211115	Nguyễn Thị Thanh	04/07/1994	Nữ	Đắk Lắk	2.44	6.98	Khá	Trung bình
384	KTTH11_12	121183211116	Nguyễn Thị Ngọc	05/07/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.12	6.48	Tốt	Trung bình
385	KTTH11_12	121183211118	Riah	12/06/1994	Nữ	Quảng Nam	2.23	6.52	Tốt	Trung bình
386	KTTH11_12	121183211121	Nguyễn Thị Huệ	15/07/1994	Nữ	Quảng Trị	2.45	6.77	Tốt	Trung bình
387	KTTH11_12	121183211122	Nguyễn Thị Thanh Huệ	16/10/1994	Nữ	Quảng Bình	3.16	7.90	Khá	Khá
388	KTTH11_12	121183211126	Nguyễn Thị Kiều Loan	10/03/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.99	7.55	Tốt	Khá
389	KTTH11_12	121183211127	Nguyễn Thị Mân	14/01/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.03	6.19	Khá	Trung bình
390	KTTH11_12	121183211128	Trương Thị Mến	15/02/1993	Nữ	Quảng Nam	2.90	7.44	Tốt	Khá
391	KTTH11_12	121183211131	Trần Thị Kim Ngọc	06/12/1993	Nữ	Quảng Trị	3.21	8.07	Tốt	Giỏi
392	KTTH11_12	121183211133	Trần Thị Mai Ni	26/11/1994	Nữ	Quảng Nam	2.52	6.87	Tốt	Khá
393	KTTH11_12	121183211134	Phan Thị Kiều Oanh	02/08/1994	Nữ	Hà Tĩnh	3.05	7.80	Tốt	Khá
394	KTTH11_12	121183211137	Trương Phương Quế	22/08/1994	Nữ	Quảng Trị	3.03	7.89	Tốt	Khá
395	KTTH11_12	121183211139	Mai Thị Thu Thanh	22/01/1993	Nữ	Quảng Nam	2.40	6.87	Khá	Trung bình
396	KTTH11_12	121183211140	Nguyễn Thị Thảo	10/12/1994	Nữ	Quảng Trị	2.63	7.07	Tốt	Khá
397	KTTH11_12	121183211144	Phạm Thị Thúy	16/01/1993	Nữ	Gia Lai	3.26	8.08	Tốt	Giỏi
398	KTTH11_12	121183211146	Phan Thị Thu Trang	02/10/1994	Nữ	Quảng Trị	3.18	7.87	Tốt	Khá
399	KTTH11_12	121183211147	Trần Thị Hoài Trang	08/11/1994	Nữ	Quảng Bình	2.61	6.91	Tốt	Khá
400	KTTH11_12	121183211150	Phan Thị Tuyết	22/12/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.51	6.96	Tốt	Khá
401	KTTH11_12	121183211153	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.63	6.83	Tốt	Khá
402	KTTH11_12	121183211154	Trần Thị Ngọc Vân	09/07/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.78	7.38	Tốt	Khá
403	KTTH11_12	121183211156	Nguyễn Văn Lê Vũ	24/06/1994	Nam	Quảng Nam	2.11	6.33	Khá	Trung bình
404	KTTH11_12	121183211157	Trần Thị Mỹ Ý	02/06/1994	Nữ	Quảng Nam	2.59	6.99	Tốt	Khá
405	KTTH12_12	121183211204	Hoàng Thị Kim Dung	24/12/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.65	7.05	Tốt	Khá
406	KTTH12_12	121183211207	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/06/1993	Nữ	Quảng Nam	2.66	7.11	Tốt	Khá
407	KTTH12_12	121183211211	Lê Thị Thuý Hằng	21/10/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.10	6.23	Khá	Trung bình
408	KTTH12_12	121183211213	Đoàn Thị Hào	14/07/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.73	9.11	Xuất sắc	Xuất sắc
409	KTTH12_12	121183211216	Trần Thị Hoa	03/06/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.89	7.53	Tốt	Khá
410	KTTH12_12	121183211218	Phạm Thị Mỹ Lành	15/06/1994	Nữ	Quảng Nam	2.92	7.55	Tốt	Khá
411	KTTH12_12	121183211219	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/07/1994	Nữ	Quảng Nam	3.76	8.96	Tốt	Xuất sắc
412	KTTH12_12	121183211221	Thái Bá Lộc	06/06/1994	Nam	Quảng Nam	2.23	6.41	TB Khá	Trung bình
413	KTTH12_12	121183211222	Nguyễn Thị Long	04/07/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.60	7.19	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
414	KTTH12_12	121183211223	Nguyễn Thị Kiều Mai	20/04/1993	Nữ	Quảng Nam	3.06	7.76	Khá	Khá
415	KTTH12_12	121183211226	Trần Thị Mến	12/02/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.53	6.83	Tốt	Khá
416	KTTH12_12	121183211231	Võ Thị Phương Ngân	01/09/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.89	7.62	Tốt	Khá
417	KTTH12_12	121183211234	Lê Thị Nhung	20/08/1993	Nữ	Quảng Bình	2.84	7.51	Tốt	Khá
418	KTTH12_12	121183211237	Phạm Thị Bích Tâm	15/04/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.23	6.55	Tốt	Trung bình
419	KTTH12_12	121183211241	Trần Thị Thu Thảo	14/12/1994	Nữ	Đắk Lắk	2.85	7.50	Xuất sắc	Khá
420	KTTH12_12	121183211242	Nguyễn Thị Thương	21/05/1994	Nữ	Quảng Trị	2.85	7.57	Khá	Khá
421	KTTH12_12	121183211243	Trần Thị Thúy	01/03/1994	Nữ	Quảng Bình	2.18	6.41	Tốt	Trung bình
422	KTTH12_12	121183211244	Nguyễn Thị Thùy	01/01/1993	Nữ	Quảng Bình	2.20	6.44	Khá	Trung bình
423	KTTH12_12	121183211250	Trương Thị Trinh	05/02/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.50	7.02	Tốt	Khá
424	KTTH12_12	121183211251	Hồ Ngọc Cẩm Tú	07/01/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.45	6.91	Tốt	Trung bình
425	KTTH12_12	121183211253	Nguyễn Thị Vân	16/09/1994	Nữ	Quảng Trị	2.55	6.94	Tốt	Khá
426	KTTH12_12	121183211256	Phạm Thị Vui	20/12/1994	Nữ	Quảng Bình	2.84	7.32	Tốt	Khá
427	KTTH12_12	121183211257	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.28	8.19	Tốt	Giỏi
428	KTTH12_12	121183211258	Trần Thị Nga	13/07/1993	Nữ	Nghệ An	3.06	7.86	Tốt	Khá
429	KTTH13_12	121183211302	Lưu Kiều Diệu An	17/11/1994	Nữ	Quảng Bình	2.84	7.42	Khá	Khá
430	KTTH13_12	121183211303	Nguyễn Ngọc Anh	03/01/1994	Nữ	Quảng Trị	2.73	7.20	Tốt	Khá
431	KTTH13_12	121183211310	Đào Thị Dung	08/07/1994	Nữ	Quảng Trị	3.45	8.39	Tốt	Giỏi
432	KTTH13_12	121183211311	Lương Thị Dung	01/10/1994	Nữ	Thanh Hóa	3.04	7.74	Tốt	Khá
433	KTTH13_12	121183211313	Trần Thị Duyên	01/10/1994	Nữ	Nghệ An	2.71	7.23	Khá	Khá
434	KTTH13_12	121183211314	Huyền Thị Lệ Giang	19/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.79	7.31	Tốt	Khá
435	KTTH13_12	121183211317	Lê Thị Hằng	01/12/1993	Nữ	Hà Tĩnh	3.04	7.64	Tốt	Khá
436	KTTH13_12	121183211318	Nguyễn Thị Thuý Hằng	15/03/1994	Nữ	Bình Định	2.98	7.72	Tốt	Khá
437	KTTH13_12	121183211320	Phan Thị Hiền	08/12/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2.66	7.17	Tốt	Khá
438	KTTH13_12	121183211325	Phan Thị Cẩm Lê	08/06/1994	Nữ	Bình Định	3.24	8.01	Tốt	Giỏi
439	KTTH13_12	121183211328	Đặng Thị Linh	23/01/1994	Nữ	Nghệ An	2.55	7.04	Tốt	Khá
440	KTTH13_12	121183211330	Trương Thị Ly	17/09/1994	Nữ	Quảng Nam	2.88	7.59	Tốt	Khá
441	KTTH13_12	121183211331	Lê Hà My	30/03/1994	Nữ	Quảng Bình	2.56	7.01	Tốt	Khá
442	KTTH13_12	121183211334	Nguyễn Thị Nhân	28/02/1994	Nữ	Quảng Trị	3.24	8.06	Tốt	Giỏi
443	KTTH13_12	121183211336	Phan Thị Ý Nhi	20/05/1992	Nữ	Đà Nẵng	2.41	6.74	TB Khá	Trung bình
444	KTTH13_12	121183211338	Đoàn Thị Phúc	16/06/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3.27	8.17	Tốt	Giỏi
445	KTTH13_12	121183211342	Trần Thị Sưu	10/01/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.27	6.59	Tốt	Trung bình

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
446	KTH13_12	121183211347	Đặng Thị Diễm	Thủy	Nữ	Quảng Nam	3.85	9.18	Tốt	Xuất sắc
447	KTH13_12	121183211351	Nguyễn Thị	Tư	Nữ	Quảng Trị	2.80	7.47	Tốt	Khá
448	KTH13_12	121183211354	Nguyễn Thị Mỹ	Vy	Nữ	Đà Nẵng	2.56	6.98	Tốt	Khá
449	KTH13_12	121183211355	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	Nghệ An	3.67	8.68	Tốt	Xuất sắc
450	KTH14_12	121183211407	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	Quảng Bình	2.21	6.57	Khá	Trung bình
451	KTH14_12	121183211410	Phạm Thị Minh	Châu	Nữ	Đắk Lắk	2.14	6.42	Tốt	Trung bình
452	KTH14_12	121183211418	Trần Thị	Giang	Nữ	Quảng Nam	2.45	6.90	Tốt	Trung bình
453	KTH14_12	121183211423	Lê Thị Kim	Hậu	Nữ	Đà Nẵng	2.63	7.21	Khá	Khá
454	KTH14_12	121183211428	Trương Thị	Huyền	Nữ	Nghệ An	2.40	6.88	Tốt	Trung bình
455	KTH14_12	121183211430	Hồ Thị Mỹ	Liên	Nữ	Quảng Trị	3.32	8.11	Tốt	Giỏi
456	KTH14_12	121183211437	Nguyễn Thị	Nguyễn	Nữ	Nghệ An	2.68	7.30	Tốt	Khá
457	KTH14_12	121183211438	Đoàn Thị Thu	Nhàn	Nữ	Quảng Trị	2.79	7.44	Tốt	Khá
458	KTH14_12	121183211439	Mai Thị Phương	Nhi	Nữ	Quảng Trị	2.61	7.11	Tốt	Khá
459	KTH14_12	121183211440	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.67	7.09	Tốt	Khá
460	KTH14_12	121183211441	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	Quảng Nam	2.93	7.63	Tốt	Khá
461	KTH14_12	121183211443	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	Quảng Nam	3.07	7.76	Khá	Khá
462	KTH14_12	121183211445	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	Quảng Nam	3.30	8.13	Khá	Giỏi
463	KTH14_12	121183211448	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	Quảng Nam	3.35	8.44	Tốt	Giỏi
464	KTH14_12	121183211451	Đặng Thị Sông	Thu	Nữ	Đà Nẵng	2.91	7.62	Tốt	Khá
465	KTH14_12	121183211452	Phan Thị Hoài	Thương	Nữ	Gia Lai	3.34	8.35	Tốt	Giỏi
466	KTH14_12	121183211454	Phạm Thị Bích	Thủy	Nữ	Quảng Bình	2.74	7.22	Tốt	Khá
467	KTH14_12	121183211461	Phạm Thị Hồng	Vĩ	Nữ	Quảng Nam	2.22	6.58	Tốt	Trung bình
468	KTH14_12	121183211464	Lê Thị	Vĩnh	Nữ	Quảng Nam	2.54	6.83	Tốt	Khá
469	NH1_12	121183301101	Trần Khánh	An	Nam	Quảng Nam	2.91	7.52	Tốt	Khá
470	NH1_12	121183301104	Bùi Mạnh	Cầm	Nam	Gia Lai	3.20	7.99	Tốt	Giỏi
471	NH1_12	121183301105	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	Quảng Trị	3.33	8.22	Tốt	Giỏi
472	NH1_12	121183301112	Lê Thị Thu	Giang	Nữ	Quảng Nam	2.78	7.29	Tốt	Khá
473	NH1_12	121183301115	Võ Thị	Hà	Nữ	Quảng Nam	2.91	7.63	Tốt	Khá
474	NH1_12	121183301125	Trần Thị Ngọc	Lan	Nữ	Quảng Nam	2.39	6.73	Khá	Trung bình
475	NH1_12	121183301140	Châu Thị Hồng	Sâm	Nữ	Quảng Nam	2.80	7.44	Khá	Khá
476	NH1_12	121183301141	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.72	7.34	Tốt	Khá
477	NH1_12	121183301142	Lê Thị	Thương	Nữ	Quảng Trị	2.79	7.40	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
478	NH1_12	121183301143	Võ Thị Thuý	02/04/1994	Nữ	Đắk Lắk	2.66	7.12	Tốt	Khá
479	NH1_12	121183301144	Lê Thị Thu	02/12/1994	Nữ	Bình Định	2.43	6.85	Khá	Trung bình
480	NH1_12	121183301145	Nguyễn Thị Hương	10/12/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.91	7.52	Khá	Khá
481	NH1_12	121183301146	Lê Thị Huyền	17/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2.22	6.68	Tốt	Trung bình
482	NH1_12	121183301149	Hoàng Hồ Khanh	13/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.78	7.41	Tốt	Khá
483	NH1_12	121183301154	Phạm Thị Thu	11/08/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.63	7.04	Tốt	Khá
484	NH2_12	121183301214	Võ Huỳnh Hải Hà	02/02/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.35	8.25	Tốt	Giỏi
485	QTDN1_12	121183301217	Phạm Nguyễn Hồng Hạnh	08/01/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.70	7.36	Tốt	Khá
486	QTDN1_12	121183301219	Phạm Thị út	24/04/1993	Nữ	Quảng Nam	2.87	7.43	Khá	Khá
487	NH2_12	121183301227	Trương Mỹ Linh	12/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.99	7.59	Khá	Khá
488	NH2_12	121183301234	Xiêng Mỹ Ngân	20/08/1994	Nữ	Kon Tum	2.65	7.30	Khá	Khá
489	NH2_12	121183301242	Trần Thị Như Quỳnh	30/08/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2.79	7.34	Khá	Khá
490	NH2_12	121183301247	Trần Thị Thuý	16/07/1993	Nữ	Hà Tĩnh	3.14	7.78	Khá	Khá
491	NH2_12	121183301253	Nguyễn Hồ Thoại Vy	12/05/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.51	6.75	Khá	Khá
492	NH3_12	121183301301	Huỳnh Thị Kim Anh	20/04/1994	Nữ	Quảng Nam	2.34	6.68	Tốt	Trung bình
493	NH3_12	121183301307	Vũ Bảo Giang	15/01/1994	Nữ	Quảng Nam	3.22	8.05	Khá	Giỏi
494	NH3_12	121183301309	Nguyễn Thị Thuý Hằng	28/03/1994	Nữ	Quảng Ngãi	3.34	8.23	Khá	Giỏi
495	NH3_12	121183301312	Võ Thị Như Lài	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.21	6.49	Khá	Trung bình
496	NH3_12	121183301315	Nguyễn Thị hương Mì	08/12/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.82	7.36	Tốt	Khá
497	NH3_12	121183301319	Trần Yến Nhi	09/01/1994	Nữ	Đà Nẵng	3.44	8.29	Tốt	Giỏi
498	NH3_12	121183301320	KPÁ NINANG	10/08/1991	Nam	Gia Lai	2.11	6.36	Khá	Trung bình
499	NH3_12	121183301330	Tăng Thị Tĩnh	01/01/1993	Nữ	Quảng Nam	2.24	6.58	Tốt	Trung bình
500	NH3_12	121183301331	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	29/07/1993	Nữ	Đắk Lắk	2.68	7.18	Tốt	Khá
501	NH3_12	121183301333	Nguyễn Thị Khánh Vy	02/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.35	6.79	Tốt	Trung bình
502	TCDN1_12	121183303101	Phan Thị Vân Anh	28/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.28	6.58	Khá	Trung bình
503	TCDN1_12	121183303104	Lê Thị Hương Bưởi	12/02/1994	Nữ	Quảng Bình	2.99	7.64	Tốt	Khá
504	TCDN1_12	121183303107	Nguyễn Hữu Đạt	05/11/1992	Nam	Nghệ An	2.72	7.24	Tốt	Khá
505	TCDN1_12	121183303111	Hồ Thị Duệ	03/03/1994	Nữ	Đắk Lắk	3.41	8.30	Tốt	Giỏi
506	TCDN1_12	121183303113	Lê Thuý Dung	15/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.65	7.07	Tốt	Khá
507	TCDN1_12	121183303115	Trần Thị Mỹ Dung	03/09/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.84	7.54	Tốt	Khá
508	TCDN1_12	121183303118	Nguyễn Thị Giang	12/04/1990	Nữ	Quảng Nam	3.07	7.84	Tốt	Khá
509	TCDN1_12	121183303119	Trần Phước Uyên Giang	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.55	6.96	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
510	TCDN1_12	121183303124	Võ Thị Thu	29/07/1994	Nữ	Quảng Trị	2.60	7.03	Tốt	Khá
511	TCDN1_12	121183303125	Đặng Thị Vĩ	07/04/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.30	8.29	Khá	Giỏi
512	TCDN1_12	121183303132	Hoàng Tôn Kiêu	11/04/1993	Nữ	Hà Nội	2.55	6.99	Khá	Khá
513	TCDN1_12	121183303136	Trần Thị Kiêu	12/03/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.56	7.10	Khá	Khá
514	TCDN1_12	121183303139	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/09/1994	Nam	Quảng Nam	2.32	6.66	Tốt	Trung bình
515	TCDN1_12	121183303142	Nguyễn Thị Thanh Nhã	24/03/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.31	6.69	Khá	Trung bình
516	TCDN1_12	121183303155	Hoàng Thị Thanh Tâm	06/05/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.66	7.11	Khá	Khá
517	TCDN1_12	121183303158	Lê Thị Thảo	01/02/1993	Nữ	Quảng Trị	3.03	7.73	Tốt	Khá
518	TCDN1_12	121183303173	Nguyễn Thị Kiều Oanh	16/01/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.41	6.80	Trung bình	Trung bình
519	TCDN1_12	121183303175	Võ Tuấn Huy	17/03/1994	Nam	Đắc Lắc	2.72	7.21	Tốt	Khá
520	TCDN1_12	121183303176	Đỗ Thị Thu Thủy	25/04/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.52	6.84	Khá	Khá
521	TCDN1_12	121183303177	Trương Thị Thu Thủy	10/09/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.40	6.91	Tốt	Trung bình
522	TATM1_12	121183401102	Phạm Thị Chi	02/02/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.52	6.86	Tốt	Khá
523	TATM1_12	121183401104	Dương Thị Kim Dung	02/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2.35	6.86	Tốt	Trung bình
524	TATM1_12	121183401106	Phạm Thị Thu Hà	28/06/1994	Nữ	Quảng Trị	2.44	6.70	Tốt	Trung bình
525	TATM1_12	121183401107	Phong Thị Mỹ Hạnh	24/03/1994	Nữ	Đà Nẵng	3.22	8.07	Tốt	Giỏi
526	TATM1_12	121183401109	Nguyễn Thị Lam	18/08/1993	Nữ	Gia Lai	2.49	6.81	Khá	Trung bình
527	TATM1_12	121183401111	Nguyễn Thị Lệ	02/03/1993	Nữ	quảng nam	2.67	7.03	Tốt	Khá
528	TATM1_12	121183401112	Nguyễn Thị Hồng Lên	04/09/1994	Nữ	Quảng Nam	3.19	7.97	Khá	Khá
529	TATM1_12	121183401114	Phạm Thị Ly	20/06/1993	Nữ	Quảng Nam	2.56	7.01	Khá	Khá
530	TATM1_12	121183401116	Nguyễn Thị Mỹ	10/02/1992	Nữ	Hà Tĩnh	2.68	7.09	Tốt	Khá
531	TATM1_12	121183401118	Nguyễn Thị Phương	12/09/1993	Nữ	Quảng Nam	3.17	7.86	Tốt	Khá
532	TATM1_12	121183401119	Trần Thị Suong	03/02/1993	Nữ	quảng bình	2.30	6.52	Tốt	Trung bình
533	TATM1_12	121183401122	Mai Thị Thu	14/10/1994	Nữ	Quảng Bình	2.36	6.76	Tốt	Trung bình
534	TATM1_12	121183401124	Huỳnh Thị Thường	25/12/1990	Nữ	Đắk Lắk	2.64	7.06	Khá	Khá
535	TATM1_12	121183401127	Lê Thị Thuỷ Trâm	21/08/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.63	7.06	Tốt	Khá
536	TATM1_12	121183401129	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	16/03/1994	Nữ	Quảng Trị	3.48	8.42	Tốt	Giỏi
537	TATM1_12	121183401132	Lê Thị ánh Tuyết	28/04/1994	Nữ	Quảng Trị	2.51	7.06	Khá	Khá
538	TATM1_12	121183401133	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/1994	Nữ	Nghệ An	2.85	7.39	Tốt	Khá
539	TATM1_12	121183401135	Nguyễn Khánh Vân	12/05/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.62	7.04	Khá	Khá
540	TATM1_12	121183401136	Nguyễn Thị Hồng Vân	07/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.67	7.25	Tốt	Khá
541	TATM1_12	121183401137	Đoàn Thị Hoàng Vy	30/11/1994	Nữ	Quảng Nam	2.18	6.44	Tốt	Trung bình

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
542	TATM2_12	121183401201	Trần Thị Bình	12/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2.66	7.10	Tốt	Khá
543	TATM2_12	121183401205	Đỗ Thị Dung	05/04/1994	Nữ	Quảng Nam	2.69	7.31	Tốt	Khá
544	TATM2_12	121183401207	Nguyễn Thành Hiếu	16/07/1992	Nữ	Quảng Nam	2.32	6.66	Tốt	Trung bình
545	TATM2_12	121183401208	Trần Thị Huệ	21/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.60	6.87	Tốt	Khá
546	TATM2_12	121183401210	Nguyễn Thị Hương	10/04/1994	Nữ	đà nẵng	2.45	6.86	Tốt	Trung bình
547	TATM2_12	121183401212	Phan Thị Mỹ Loan	08/10/1994	Nữ	Quảng Trị	2.46	6.93	Tốt	Trung bình
548	TATM2_12	121183401214	Trần Thị Diễm Mí	20/08/1994	Nữ	Bình Định	2.65	7.07	Tốt	Khá
549	TATM2_12	121183401218	Trương Thị Hồng Phúc	04/06/1994	Nữ	Đà Nẵng	3.41	8.22	Tốt	Giỏi
550	TATM2_12	121183401219	Trần Thị Thu Phương	01/06/1993	Nữ	Quảng Nam	2.81	7.34	Tốt	Khá
551	TATM2_12	121183401222	Phạm Thị Tài	26/05/1994	Nữ	Đắc Lắc	3.06	7.66	Tốt	Khá
552	TATM2_12	121183401223	Nguyễn Thanh Thảo	02/09/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.65	7.15	Tốt	Khá
553	TATM2_12	121183401225	Phan Thị Ngọc Thủy	20/04/1994	Nữ	Đắc Lắc	2.64	7.03	Tốt	Khá
554	TATM2_12	121183401226	Trương Thị Thủy Tiên	18/04/1994	Nữ	Quảng Bình	2.19	6.60	Tốt	Trung bình
555	TATM2_12	121183401229	Lâm Thị Phương Trang	20/04/1994	Nữ	Bình Định	2.53	6.97	Tốt	Khá
556	TATM2_12	121183401233	Nguyễn Thị Kim Uyên	20/12/1994	Nữ	Lâm Đồng	3.06	7.65	Tốt	Khá
557	TATM2_12	121183401234	Trần Thị Uyên	27/12/1993	Nữ	Nghệ An	2.31	6.50	Xuất sắc	Trung bình
558	TATM2_12	121183401236	Bùi Thủy Vi	27/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.53	6.99	Khá	Khá
559	TATM2_12	121183401237	Phạm Thị Yên	25/08/1994	Nữ	Nghệ An	2.01	6.28	Tốt	Trung bình
560	TATM3_12	121183401301	Trần Thị Ba	20/04/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.71	7.26	Tốt	Khá
561	TATM3_12	121183401304	Nguyễn Thị Phương Diễm	27/04/1993	Nữ	Quảng Nam	2.02	6.17	Khá	Trung bình
562	TATM3_12	121183401305	Lê Hạnh Dung	14/06/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.85	7.40	Tốt	Khá
563	TATM3_12	121183401308	Nguyễn Thị Thu Hằng	06/02/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.53	7.12	Tốt	Khá
564	TATM3_12	121183401309	Trần Thị Hiền Hậu	07/09/1994	Nữ	Quảng Nam	2.59	7.09	Tốt	Khá
565	TATM3_12	121183401310	Nguyễn Thị Hoa	06/04/1994	Nữ	Quảng Nam	2.15	6.38	Xuất sắc	Trung bình
566	TATM3_12	121183401311	Nguyễn Hồ Nhật Hòa	11/11/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.89	7.67	Tốt	Khá
567	TATM3_12	121183401313	Nguyễn Thị Hương	03/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2.17	6.52	Khá	Trung bình
568	TATM3_12	121183401317	Nguyễn Thị Mai	10/10/1994	Nữ	Thừa Thiên - Huế	2.33	6.79	Tốt	Trung bình
569	TATM3_12	121183401318	Nguyễn Thị Lê Mỹ	02/06/1994	Nữ	Đà Nẵng	2.34	6.74	Khá	Trung bình
570	TATM3_12	121183401319	Đặng Thị Thu Na	02/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2.67	7.26	Khá	Khá
571	TATM3_12	121183401320	Hồ Thị Tố Như	24/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2.53	6.92	Khá	Khá
572	TATM3_12	121183401321	Phan Thị Nữ	26/05/1993	Nữ	Quảng Nam	2.55	7.02	Tốt	Khá
573	TATM3_12	121183401324	Đỗ Như Quỳnh	20/11/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2.35	6.72	Tốt	Trung bình

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
574	TATM3_12	121183401328	Trần Thị Hương	Thủy	Nữ	Dà Nẵng	2.67	7.21	Tốt	Khá
575	TATM3_12	121183401333	Nguyễn Thị Túy	Túy	Nữ	Thừa Thiên - Huế	2.46	6.80	Khá	Trung bình
576	TATM3_12	121183401336	Trần Thị Thủy	Vĩ	Nữ	Dà Nẵng	2.60	7.07	Khá	Khá
577	TATM2_12	121183401340	Đoàn Trương Tường Vy		Nữ	Dà Nẵng	2.36	6.77	Tốt	Trung bình
578	TATM4_12	121183401405	Thân Thị Dung		Nữ	Quảng Nam	2.59	7.05	Tốt	Khá
579	TATM4_12	121183401406	Trần Thị Hạnh		Nữ	Quảng Nam	2.64	7.19	Tốt	Khá
580	QTDN1_12	121183401410	Nguyễn Thị Hiệp		Nữ	Quảng Nam	2.51	7.02	TB Khá	Khá
581	TATM4_12	121183401411	Nguyễn Thị Hoa		Nữ	Quảng Nam	2.67	7.06	Tốt	Khá
582	TATM4_12	121183401421	Võ Thị Kim Nhung		Nữ	Quảng Trị	2.79	7.28	Khá	Khá
583	TATM4_12	121183401422	Nguyễn Thị Mai Phương		Nữ	Kon Tum	2.97	7.60	Khá	Khá
584	TATM4_12	121183401424	Trần Thị Ngọc Quỳnh		Nữ	Dà Nẵng	3.05	7.65	Tốt	Khá
585	TATM4_12	121183401425	Nguyễn Phương Tâm		Nữ	Dà Nẵng	2.76	7.25	Khá	Khá
586	TATM4_12	121183401427	Nguyễn Thị Thu Thanh		Nữ	Quảng Ngãi	2.53	7.00	Tốt	Khá
587	TATM4_12	121183401430	Đặng Thị Thuận		Nữ	Bình Định	2.68	7.18	Tốt	Khá
588	TATM4_12	121183401431	Nguyễn Thị Thương		Nữ	Quảng Nam	2.32	6.61	Tốt	Trung bình
589	TATM4_12	121183401434	Võ Thị Tường Vi		Nữ	Dà Nẵng	3.19	7.90	Tốt	Khá
590	TATM4_12	121183401435	Đỗ Thị Tiên Vy		Nữ	Dà Nẵng	2.84	7.50	Khá	Khá
591	TATM4_12	121183401436	Vũ Bảo Vy		Nữ	Dà Nẵng	2.71	7.19	Khá	Khá
592	TATM4_12	121183401437	Nguyễn Thị Xoan		Nữ	Quảng Trị	2.60	7.15	Khá	Khá
593	TATM4_12	121183401438	Nguyễn Thị Kim Xuyên		Nữ	Quảng Nam	2.18	6.39	Khá	Trung bình
594	TATM5_12	121183401502	Phạm Thị Kiều Diễm		Nữ	Quảng Nam	2.72	7.30	Tốt	Khá
595	TATM5_12	121183401505	Võ Thị Hồng Hạnh		Nữ	Quảng Nam	2.70	7.21	Tốt	Khá
596	TATM5_12	121183401506	Lê Thị Thủy Hòa		Nữ	Quảng Nam	2.55	6.99	Tốt	Khá
597	TATM5_12	121183401509	Nguyễn Thị Diệu Lan		Nữ	Quảng Bình	3.14	7.96	Tốt	Khá
598	TATM5_12	121183401510	Nguyễn Thị Thu Lan		Nữ	Quảng Nam	2.70	7.19	Tốt	Khá
599	TATM5_12	121183401511	Phạm Thị Thanh Lan		Nữ	Quảng Nam	2.61	7.11	Khá	Khá
600	TATM5_12	121183401515	Trần Thị Thảo Nguyên		Nữ	Dăk Lăk	2.71	7.24	Tốt	Khá
601	TATM5_12	121183401516	Lê Thị Mỹ Nhung		Nữ	Dăk Lăk	2.70	7.17	Tốt	Khá
602	TATM5_12	121183401518	Trương Thị Phẩm		Nữ	Quảng Nam	2.54	7.03	Tốt	Khá
603	TATM5_12	121183401523	Phạm Thị Phương Thảo		Nữ	Quảng Nam	3.07	7.79	Tốt	Khá
604	TATM5_12	121183401524	Trần Thị Thu Thảo		Nữ	Quảng Nam	2.28	6.62	Khá	Trung bình
605	TATM5_12	121183401526	Nguyễn Thị Hoài Thương		Nữ	Quảng Nam	2.55	7.05	Tốt	Khá

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
606	TATM5_12	121183401527	Lâm Thị Thanh	Thủy	Nữ	Quảng Nam	2.09	6.31	Khá	Trung bình
607	TATM5_12	121183401530	Bùi Thị Bích	Trâm	Nữ	Đăk Lăk	2.20	6.55	Khá	Trung bình
608	TATM5_12	121183401531	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	Quảng Nam	2.67	7.16	Tốt	Khá
609	TATM5_12	121183401533	Nguyễn Thị Bảo	Trang	Nữ	Bình Định	2.93	7.66	Xuất sắc	Khá
610	TATM5_12	121183401537	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	Quảng Nam	2.62	7.14	Tốt	Khá
611	TATM5_12	121183401538	Trần Thị Giang	Y	Nữ	Quảng Nam	2.88	7.58	Khá	Khá
612	TATM6_12	121183401604	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	Quảng Trị	2.87	7.47	Xuất sắc	Khá
613	TATM6_12	121183401606	Ngô Thị Ly	Lệ	Nữ	Quảng Nam	2.09	6.28	Khá	Trung bình
614	TATM6_12	121183401610	Trương Thị Tiêu	Loan	Nữ	Đà Nẵng	2.76	7.31	Tốt	Khá
615	TATM6_12	121183401614	Võ Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	Quảng Nam	2.62	7.03	Khá	Khá
616	TATM6_12	121183401615	Đinh Thị Kim	Nguyễn	Nữ	Quảng Nam	2.52	6.84	Khá	Khá
617	TATM6_12	121183401622	Phùng Thị Thanh	Tâm	Nữ	Quảng Nam	2.17	6.47	Khá	Trung bình
618	TATM6_12	121183401624	Phạm Thị Mai	Thị	Nữ	Đà Nẵng	2.89	7.48	Tốt	Khá
619	TATM6_12	121183401626	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	Quảng Bình	2.64	7.13	Khá	Khá
620	TATM6_12	121183401629	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	Đak Lak	2.61	7.06	Tốt	Khá
621	TATM6_12	121183401632	Đào Thị	Tĩnh	Nữ	Quảng Ngãi	2.52	7.08	Tốt	Khá
622	CTH1_12	121183402101	Nguyễn Trọng	Ánh	Nam	Hà Tĩnh	2.82	7.32	Khá	Khá
623	CTH1_12	121183402102	Bùi Thị Anh	Đào	Nữ	Gia Lai	2.97	7.70	Khá	Khá
624	CTH1_12	121183402103	Lê Thuận	Đạt	Nam	Quảng Bình	3.44	8.41	Khá	Giỏi
625	CTH1_12	121183402106	Hoàng Thị	Giang	Nữ	Quảng Bình	2.73	7.37	Tốt	Khá
626	CTH1_12	121183402107	Hồ Thị	Hà	Nữ	Quảng Nam	2.91	7.52	Khá	Khá
627	CTH1_12	121183402108	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	Quảng Nam	2.96	7.56	Khá	Khá
628	CTH1_12	121183402109	Cao Thị Tuyết	Hằng	Nữ	Quảng Nam	2.94	7.51	Tốt	Khá
629	CTH1_12	121183402110	Vang Văn	Hiệp	Nam	Nghệ An	2.07	6.29	Tốt	Trung bình
630	CTH1_12	121183402111	Chúc Bà	Hiếu	Nam	Quảng Nam	2.54	6.98	TB Khá	Khá
631	CTH1_12	121183402113	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	quảng trị	2.67	7.20	Tốt	Khá
632	CTH1_12	121183402114	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Quảng Trị	2.73	7.20	Khá	Khá
633	CTH1_12	121183402118	Lê Thị Thanh	Phụng	Nữ	Quảng Nam	2.60	7.03	Tốt	Khá
634	CTH1_12	121183402121	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	Quảng Nam	3.38	8.24	Tốt	Giỏi
635	CTH1_12	121183402122	Đặng Thị Thu	Thủy	Nữ	Quảng Nam	2.69	7.19	Xuất sắc	Khá
636	CTH1_12	121183402124	Nguyễn Nữ Thùy	Trình	Nữ	Đà Nẵng	3.11	7.77	Khá	Khá
637	LOT1_12	121383102129	Đoàn Trung	Thành	Nam	Quảng Bình	2.15	6.50	Trung bình	Trung bình



STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
638	LQT1_13	131383102001	Lê Thị Cảnh	27/07/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.75	7.05	Tốt	Khá
639	LQT1_13	131383102002	Phan Kim Châu	10/01/1993	Nữ	Quảng Nam	2.60	6.86	Tốt	Khá
640	LQT1_13	131383102003	Nguyễn Thị Huệ	02/01/1993	Nữ	Kon Tum	3.00	7.39	Tốt	Khá
641	LQT1_13	131383102004	Trương Thị Thùy Ly	07/11/1992	Nữ	Quảng Nam	3.16	7.65	Tốt	Khá
642	LQT1_13	131383102005	Võ Thị Kim Nhân	04/09/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.93	7.44	Tốt	Khá
643	LQT1_13	131383102007	Nguyễn Thị Mai Thi	18/03/1992	Nữ	Quảng Ngãi	3.36	8.01	Tốt	Giỏi
644	LQT1_13	131383102008	Đỗ Thị Hoàng Thương	10/10/1993	Nữ	Quảng Nam	3.05	7.59	Tốt	Khá
645	LQT1_13	131383102009	Hồ Thị Trâm	29/12/1992	Nữ	Quảng Ngãi	3.48	8.17	Tốt	Giỏi
646	LQT1_13	131383102010	Lê Bảo Vy	01/03/1992	Nữ	Đà Nẵng	3.60	8.40	Tốt	Xuất sắc
647	LKT1_13	131383201001	Lê Thị Bông	30/05/1991	Nữ	Quảng Bình	3.61	8.39	Xuất sắc	Xuất sắc
648	LKT1_13	131383201002	Nguyễn Thị Búp	28/12/1993	Nữ	Quảng Nam	3.34	8.07	Tốt	Giỏi
649	LKT1_13	131383201003	Bùi Thị Có	10/11/1993	Nữ	Quảng Nam	3.05	7.56	Tốt	Khá
650	LKT1_13	131383201004	Lê Thị Dương	24/10/1991	Nữ	Quảng Trị	3.40	8.14	Tốt	Giỏi
651	LKT1_13	131383201005	Nguyễn Thị Thu Hà	27/08/1991	Nữ	Quảng Bình	3.51	8.30	Tốt	Giỏi
652	LKT1_13	131383201006	Phạm Hoàng Hải	21/12/1992	Nam	Đà Nẵng	3.00	7.51	Xuất sắc	Khá
653	LKT1_13	131383201007	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	10/11/1993	Nữ	Quảng Nam	3.42	8.13	Tốt	Giỏi
654	LKT1_13	131383201008	Phạm Thị Hồng Hạnh	28/10/1992	Nữ	Quảng Bình	3.81	8.78	Tốt	Xuất sắc
655	LKT1_13	131383201009	Cao Thị Hiền	01/05/1992	Nữ	Quảng Bình	3.01	7.37	Tốt	Khá
656	LKT1_13	131383201010	Trần Thị Hiền	25/10/1992	Nữ	Đắk Lắk	3.20	7.81	Khá	Khá
657	LKT1_13	131383201011	Phạm Thị Ngọc Hiệp	20/01/1993	Nữ	Bình Thuận	3.69	8.63	Tốt	Xuất sắc
658	LKT1_13	131383201012	Phan Thị Hòa	12/09/1992	Nữ	Đà Nẵng	3.33	7.91	Tốt	Giỏi
659	LKT1_13	131383201013	Hồ Thị Hồng	20/11/1992	Nữ	Hà Tĩnh	3.59	8.50	Xuất sắc	Giỏi
660	LKT1_13	131383201014	Nguyễn Mạnh Hùng	09/05/1993	Nam	Quảng Bình	3.19	7.63	Xuất sắc	Khá
661	LKT1_13	131383201015	Hồ Thu Hương	16/11/1991	Nữ	Quảng Nam	3.38	8.06	Tốt	Giỏi
662	LKT1_13	131383201016	Hoàng Thị Hương	18/10/1992	Nữ	Thanh Hóa	3.04	7.63	Tốt	Khá
663	LKT1_13	131383201017	Nguyễn Thị Khánh Huyền	04/06/1992	Nữ	Hà Tĩnh	2.88	7.41	Tốt	Khá
664	LKT1_13	131383201018	Lê Thị Lan	22/03/1993	Nữ	Quảng Trị	3.64	8.46	Tốt	Xuất sắc
665	LKT1_13	131383201019	Phan Thị Liên	08/11/1993	Nữ	Quảng Bình	3.08	7.54	Tốt	Khá
666	LKT1_13	131383201020	Lê Thị Liễu	25/11/1991	Nữ	Quảng Trị	2.98	7.51	Tốt	Khá
667	LKT1_13	131383201021	Dương Thị Linh	07/07/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.24	7.96	Tốt	Giỏi
668	LKT1_13	131383201022	Nguyễn Thị Linh	12/09/1993	Nữ	Quảng Bình	3.63	8.46	Tốt	Xuất sắc
669	LKT1_13	131383201024	Trần Thị Mỹ Ly	05/02/1992	Nữ	Gia Lai	3.35	8.03	Tốt	Giỏi

STT	LỚP	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL		Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Thang 4	Thang 10		
670	LKT1_13	131383201025	Trần Thị Thủy	12/12/1993	Nữ	Bình Định	3.33	8.04	Tốt	Giỏi
671	LKT1_13	131383201026	Lương Thị Huyền	15/05/1993	Nữ	Quảng Nam	3.45	8.24	Tốt	Giỏi
672	LKT1_13	131383201027	Nguyễn Thị Thúy	08/05/1992	Nữ	Quảng Bình	3.41	8.14	Tốt	Giỏi
673	LKT1_13	131383201028	Lê Hoàng Ngân	13/11/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.56	8.44	Tốt	Giỏi
674	LKT1_13	131383201029	Nguyễn Thị Mỹ	06/11/1991	Nữ	Quảng Trị	3.35	7.95	Tốt	Giỏi
675	LKT1_13	131383201031	Lê Thị Phương	28/02/1993	Nữ	Quảng Trị	2.96	7.41	Xuất sắc	Khá
676	LKT1_13	131383201032	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/05/1992	Nữ	Quảng Bình	3.23	7.89	Xuất sắc	Giỏi
677	LKT1_13	131383201033	Đoàn Thị Thắm	20/09/1992	Nữ	Quảng Trị	3.09	7.70	Tốt	Khá
678	LKT1_13	131383201034	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	3.22	7.86	Tốt	Giỏi
679	LKT1_13	131383201035	Luyện Thị Huyền Thảo	02/08/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.26	7.94	Xuất sắc	Giỏi
680	LKT1_13	131383201036	Bùi Thị Thiện	09/02/1991	Nữ	Quảng Nam	3.13	7.68	Tốt	Khá
681	LKT1_13	131383201037	Nguyễn Thị Thu	10/12/1993	Nữ	Quảng Trị	2.97	7.44	Tốt	Khá
682	LKT1_13	131383201039	Trần Vũ Hoài Thương	07/01/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.99	7.52	Tốt	Khá
683	LKT1_13	131383201040	Nguyễn Thị Diễm Thúy	18/04/1991	Nữ	Đà Nẵng	2.71	7.14	Tốt	Khá
684	LKT1_13	131383201041	Huỳnh Thị Phương Thúy	29/08/1992	Nữ	Quảng Nam	3.42	8.12	Tốt	Giỏi
685	LKT1_13	131383201042	Lê Thị Kim Thúy	16/01/1992	Nữ	Quảng Nam	2.83	7.17	Tốt	Khá
686	LKT1_13	131383201043	Ngô Thị Trang	08/10/1993	Nữ	Quảng Ngãi	2.97	7.36	Tốt	Khá
687	LKT1_13	131383201044	Huỳnh Ngọc Ty	24/02/1991	Nam	Quảng Ngãi	3.09	7.66	Khá	Khá
688	LKT1_13	131383201045	Huỳnh Thị Thúy Vân	09/05/1993	Nữ	Quảng Nam	3.08	7.66	Tốt	Khá
689	LKT1_13	131383201046	Trương Thị Hồng Vân	06/02/1993	Nữ	Đà Nẵng	3.56	8.51	Tốt	Khá
690	LKT1_13	131383201047	Nguyễn Thị Phi Vũ	12/12/1993	Nữ	Quảng Nam	3.26	7.87	Tốt	Giỏi
691	LKT1_13	131383201048	Trần Nguyễn Bảo Vy	09/01/1993	Nữ	Đà Nẵng	2.98	7.47	Tốt	Khá
692	LKT1_13	131383201049	Nguyễn Thị Hải Yến	04/05/1993	Nữ	Quảng Bình	3.11	7.70	Tốt	Khá
693	QTDN3_12	121183102353	Trương Quang Tinh	25/06/1994	Nam	Quảng Nam	2.44	6.92	Tốt	Trung bình

Danh sách này có 693 người

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 9 năm 2015

Người lập danh sách



NGUYỄN TS. Lê Quang Hùng

Nguyễn Tiến Đạt